

TỨ NHIẾP PHÁP

Sau khi thành đạo, Đức Phật liền nghĩ đến việc hóa độ chúng sanh. Sự giác ngộ của Ngài thì thậm thâm vi diệu nhưng khả năng tiếp nhận của chúng sanh đối với giáo nghĩa vô thượng thì bất đồng, và lại phần lớn chúng sanh càng càng khó độ. Do đó Đức Phật phải khai mở Tam Thừa, vận dụng vô số pháp môn phương tiện để dẫn dắt chúng sanh giải thoát giác ngộ. Nhờ vậy mà ánh đạo vàng của Ngài đã lang tỏa khắp xứ Ấn thời bấy giờ và được chư Tổ tiếp nối thắp sáng ngọn đuốc Từ Bi Trí Tuệ (Phật pháp) khắp toàn cầu suốt gần 2600 năm nay. Một trong những pháp môn phương tiện giáo hóa hữu hiệu nhất mà Đức Phật và chư tổ sư áp dụng trong sự nghiệp hoằng pháp độ sanh đó là Tứ nhiếp pháp. Tứ nhiếp pháp được xem là một nghệ thuật cảm hóa lòng người ưu việt nhất. Cảm hóa ở đây không phải là mưu chước lợi mình hại người mà là để giúp mọi người bỏ tà quy chánh, xây dựng cuộc sống an lành. Với ý nghĩa đó, Tứ nhiếp pháp luôn luôn là bài học cần thiết cho người học đạo và hành đạo.

I. ĐỊNH NGHĨA

Tứ nhiếp pháp là bốn phương pháp (yếu tố) cần và đủ để thực hành hạnh lợi tha, có công năng dẫn dắt chúng sanh đi theo mình trên con đường giải thoát giác ngộ. Bốn phương pháp đó là: Bố thí nhiếp, Ái ngữ nhiếp, Lợi hành nhiếp và Đồng sự nhiếp.

II. MỘT SỐ KINH LUẬN ĐỀ CẬP ĐẾN TỨ NHIẾP PHÁP

Tứ nhiếp pháp đều được đề cập phổ biến trong cả hai hệ phái Phật giáo Theravada (Thượng Tọa bộ) và Mahayana (Đại chúng bộ)

- Trung A-hàm 33, kinh Thiện Sanh
- kinh Tạp A-hàm quyển 26 (kinh 636 và 637)
- Tăng Nhất A Hàm 22
- Thành Thật luận
- Đại Tập kinh 29
- Đại Phẩm Bát Nhã kinh 24
- Phạm Võng kinh quyển thượng
- A Tỳ Đạt Ma Tập Dị Môn Túc luận 9
- Đại Trí Độ Luận 66 & 88
- Đại Thừa nghĩa chương

- Ưu Bà Di Tịnh Hạnh Pháp Môn quyền thượng.

I. GIÁ TRỊ CỦA TỨ NHIẾP PHÁP THEO KINH LUẬN CỦA THERAVADA VÀ MAHAYANA

1. Tứ nhiếp pháp theo kinh luận Theravada: Theo kinh luận Theravada, giá trị của Tứ Nhiếp Pháp chỉ được giới hạn trong phạm trù nhân quả Nhân Thiên cho cả tại gia và xuất gia.

- Đối với hàng phật tử tại gia, giá trị của Tứ Nhiếp Pháp chú trọng về phần danh và có lợi ngay trong hiện đời này và đời sau như theo Trung A-hàm 33, kinh Thiện Sanh dạy: “Này, con nhà cư sĩ, có bốn nhiếp sự. Bốn việc ấy là gì? Một là Huệ thí. Hai là nói khả ái. Ba là làm lợi cho người. Bốn là có lợi cùng chia.”

- Đối với hàng xuất gia thì chú trọng về tinh thần nhiều hơn vật chất. Tạp A Hàm quyển 26 kinh 636 dạy “Bố thí tối thắng, đó là pháp thí. Ái ngữ tối thắng, là khiến thiện nam tử thích nghe, nói pháp đúng lúc. Hành lợi tối thắng là đối với người không có tín khiến có tín, xác lập trên tín; đối với người học giới thì xác lập bằng tịnh giới; đối với người bỏn xẻn thì bằng bố thí; đối với người ác trí huệ thì bằng chánh trí mà xác lập. Đồng lợi tối thắng, là nếu A-la-hán thì trao cho người quả A-la-hán. A-na-hàm thì trao cho người quả A-na-hàm. Tư-đà-hàm thì trao cho người quả Tư-đà-hàm. Tu-đà-hoàn thì trao cho người quả Tu-đà-hoàn. Người tịnh giới thì trao người bằng tịnh giới.”

2. Tứ Nhiếp Pháp theo kinh luận Mahayana: Theo kinh luận Đại thừa thì giá trị của Tứ nhiếp pháp được nâng cao hơn trong việc thực hành Bồ-tát đạo để hoàn thành giác hạnh viên mãn cho quả vị Phật của các hàng Bồ-tát, nên tự thân giá trị của nó phải được đặt nặng trong việc lợi tha vô điều kiện dành cho cả hai hàng Bồ-tát xuất gia cùng tại gia. Kinh Ưu Bà Di Tịnh Hạnh Pháp Môn, quyền thượng, đức Đạo sư đã kể về Ngài khi còn làm người thường thực hành Tứ Nhiếp Pháp: “...Bố thí, Ái ngữ, Lợi ích (lợi hành), Đồng sự để nhiếp hóa chúng sanh mỗi khi có bất cứ chúng sanh nào muốn tìm cầu điều gì Ngài cũng đáp ứng những yêu cầu của họ mà không làm trái lại với ý của họ. Nhờ công đức vô điều kiện này mà Ngài đã tích tụ thiện nghiệp sâu rộng cho đến khi chỉ còn một đời cuối cùng là “nhứt sinh bố xứ” trong thời gian này Ngài thường hưởng nhạc Trời và khi sinh xuống thế gian này đạt được hai tướng đại nhơn đó là: Tay chân mềm mại, các ngón tay chân liên kết bởi một màn da mỏng (man võng). Vì hai tướng này, nếu là người ở tại gia thì làm Chuyển luân Thánh vương cai trị bốn châu thiên hạ, nếu là người xuất gia thì đạt được ngôi vị Pháp vương, khéo nhiếp phục tất cả vô lượng chúng sanh, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, nhơn, phi nhơn v.v...”

Qua đó chúng ta thấy rằng cùng Tứ Nhiếp Pháp nhưng có sự sai khác về phương pháp hành nhân cũng như kết quả của nó tùy thuộc vào thuộc tính của Theravada và Mahayana. Đó là có điều kiện giới hạn trong nhân quả và vô điều kiện giới hạn trong nhân quả.

II. HÀNH TƯỚNG CỦA TỨ NHIẾP PHÁP

1. BỐ THÍ NHIẾP (Dāna-Samgraha)

a. Định Nghĩa: Bố thí (Dāna) là hành động hiến tặng vật chất, năng lực hoặc trí tuệ cho người khác. Bố Thí Nhiếp là nhiếp phục chúng sanh bởi hạnh bố thí.

b. Tính chất của bố thí nhiếp:

- Cầu tài như pháp, hành thí thanh tịnh
- Bố thí với lòng từ bi và tôn kính
- Không mong cầu sự đền đáp, không cầu lợi.
- Không khởi niệm hối tiếc với vật thí.
- Không khởi tâm sân giận khi người nhận thí có hành vi bất chánh, bất kính với mình.
- Không phân biệt thân sơ, bạn thù.
- Thực hành xả bỏ tư hữu
- Xả bỏ cả trong lẫn ngoài: Bố thí rất nhiều nhưng không thấy mình bố thí.
- ý nguyện thực hành bố thí không bao giờ đoạn dứt, không thấy mệt mỏi hay chán nản.
- Bố thí nhiếp phải đủ Danà Ba La Mật.

c. Phân loại:

Để hình thành 1 việc Bố thí cần phải hội tụ ba yếu tố: Người thí, vật thí và người nhận thí.

★ Trên phương diện người thí: có 2 loại bố thí trong sạch và không trong sạch.

- Bố thí không trong sạch là bố thí vì tự lợi, bất kính, chán ghét, yếu hèn, muốn dụ dỗ, sợ chết, ganh đua, kiêu ngạo, cầu danh, tránh né sự nguy hiểm... tóm lại bố thí với tâm lý ích kỷ, xấu xa, không vì sự an vui lợi ích tha nhân.

- Bố thí trong sạch là người thí không có những tâm lý xấu xa trên và chỉ muốn đem lại lợi ích cho tha nhân.

★ Trên phương diện vật thí: có 3 loại Tài thí, pháp thí và vô úy thí.

- Tài thí: gồm nội tài (thuộc nội thân, tức bố thí phần nào của thân thể như tay chân, thận, máu..) và ngoại tài (vật chất ngoài thân như tiền bạc, áo quần, nhà cửa..) xét về giá trị bố thí ngoại tài thì có 2 loại chân chánh (vật thí thuộc sở hữu của mình) và Không chân chánh (vật thí do trộm cắp, lừa đảo)

- Pháp thí: Pháp thí thuộc loại phi vật chất. Nghĩa là đem lời hay, lẽ phải, những chân lý đúng đắn, những lời dạy quý báu của đức Phật để chỉ bày khuyên bảo người khác, hoặc tự thân nghiêm trì giới luật để làm khuôn mẫu cho người khác bắt chước. Pháp thí được tạo bởi trí tuệ và thái độ sống của người thí.

- Vô Úy thí: Vô úy là không sợ hãi. Vô úy thí là làm cho chúng sanh vững tâm, không sợ hãi. Vô úy thí cũng có hai phần: Tiêu cực (Không làm cho người khác phải sợ hãi vì mình) và Tích cực (đem lại cho người khác sự gan dạ, vững tâm để đối phó với những nguy nan, họa nạn đang xảy ra.). Muốn thực hành hạnh bố thí này trước hết chúng ta phải trau dồi đức hạnh, tôi luyện đức tính can đảm, bình tĩnh trước mọi đe dọa thử thách.

Tài thí được tạo bởi công sức, Pháp thí được tạo bởi lời nói, và Vô Úy thí được tạo bởi đức hạnh và thái độ sống của hành giả.

✱ Trên phương diện nhân quả: Phước báo của sự bố thí sẽ tăng bội phần nếu hành giả:

- Bố thí tùy theo nhu cầu sống của người xin.
- Bố thí những vật quý giá.
- Bố thí những người làm việc thiện nguyện, làm công quả cho chùa. Làm đường, đào mương, đắp đê..
- Bố thí cho người xuất gia.
- Bố thí mà kính trọng người nhận thí.
- Bố thí người có đức hạnh.
- Bố thí tất cả những gì mình có.

✱ Trên phương diện ứng xử: Bố thí có 7 cách: Nhan thí (nụ cười), Ngôn thí (lời nói), thân thí (giúp đỡ nhiệt tình), tọa thí (nhường chỗ), tâm thí (tầm lòng), nhãn thí (cái nhìn), phòng thí (nơi nghỉ ngơi)

2. ÁI NGŨ NHIẾP (Priyavadita-Samgraha)

a. Định nghĩa: Ái ngữ nhiếp là tùy theo căn tánh chúng sanh mà dùng lời nói dịu dàng, hoà ái, khiêm tốn, khiến người nghe sanh tâm hoan hỷ cảm mến, rồi từ đó họ mới theo ta mà học đạo.

b. Vai trò của ngôn ngữ trong cuộc sống:

Trong cuộc sống hằng ngày, Ngôn ngữ là phương tiện cần thiết để giao tiếp, bày tỏ ý kiến, tình cảm với người chung quanh. Một người đang có tâm lý buồn, có thể dùng lời nói để thổ lộ thì nỗi buồn sẽ được vơi bớt; người đang có niềm vui mà dùng lời nói để chia sẻ với người xung quanh thì niềm vui ấy tăng lên bội phần. Tuy nhiên, ngôn ngữ cũng là con dao hai lưỡi. Nó có thể mang đến niềm vui hoặc an ủi, xoa dịu nỗi đau cho người khác nếu được sử dụng trong chánh niệm, nhưng ngược lại nó có thể gây tổn thương, tác hại cho cả mình và người nếu được sử dụng với tâm lý xấu xa, thất niệm. Do vậy, chúng ta cần phải cẩn trọng trong lời nói “Uốn lưỡi bảy lần trước khi nói”.

c. Tính chất của Ái ngữ nhiếp: lời nói như thế nào để trở thành ái ngữ và có công năng nhiếp phục chúng sanh? Đó là:

- Không vì lợi dưỡng mà nói
- Nói đúng thời, đúng nơi: Im lặng như chánh pháp, nói năng như chánh pháp.
- Nói đúng sự thật: Không dối trá, không nói hai lưỡi, không nói thêu dệt, không nói lời thô ác.
- Nói nhu hòa, khiêm tốn, lễ độ.
- Nói lời liên hệ đến lợi ích: Nói những điều đáng nói, mang lại lợi ích cho mình và người. Vì lợi ích của chúng sanh mà diễn nói.
- Nói với từ tâm.
- Khế lý, khế cơ: Khế lý là không chống trái với nguyên lý Phật học như lý nhân quả, nghiệp báo...Khế cơ là phù hợp với khát vọng, nhu cầu và lẽ lối nhận thức của con người thời đại, xã hội thời đại.
- Ái ngữ nhiếp phải đầy đủ Thi la Ba La Mật.

3. LỢI HÀNH NHIẾP (Arthacarya-Samgraha)

a. Định nghĩa: Lợi hành nhiếp là làm lợi ích cho người bằng ý nghĩ, lời nói và hành động, khiến cho người ta sinh lòng kính mến mà theo ta học đạo.

b. Tính chất của Lợi Hành nhiếp:

- Dùng cả ba nghiệp thân, khẩu và ý để làm lợi ích cho chúng sanh.
- Tùy theo những gì chúng sanh cầu mà đáp ứng đầy đủ.
- Cuối cùng không hồi hận.
- Bỏ tự lợi hành lợi tha. Nói về tự lợi là để lợi ích mọi người.
- khuyên bảo người không biết mỗi mệ.
- Luôn hướng đến việc giúp chúng sanh phát tâm làm việc thiện, từ bỏ việc ác.
- Lợi Hành nhiếp phải đầy đủ Tinh Tấn Ba La Mật.

c. Phân loại:

★ Trên phương diện “đối tượng” được giúp đỡ: gồm 2 loại Tập Thiện Nhiếp và Ly ác Nhiếp.

- Tập Thiện nhiếp: là phương pháp nhiếp phục đối với những người hiền thiện. Người chưa từng làm điều thiện thì khiến họ phát tâm làm thiện. Người đã biết làm thiện thì tán dương khen ngợi khiến họ tinh tấn làm thiện. Nhờ làm điều thiện mà họ đạt được an vui trong cuộc sống do đó kính tin người khen ngợi và khuyến khích mình.
- Ly Ác nhiếp: Là phương pháp nhiếp phục những người lầm đường lạc lối, giúp họ bỏ những việc không tốt đã làm. Đối với người ác để điều phục, ta dùng lời lẽ chân thật,

đúng đắn để chỉ trích, quở trách hoặc dùng các biện pháp trừng phạt nghiêm trị, làm cho họ nhận thấy rõ lỗi lầm mà hối cải (Đức Phật độ Ngài Vô Nã). Đối với người ác ngang ngạnh khó điều phục thì phải dùng sự uy dũng mạnh mẽ hoặc thần lực để buộc họ phải lìa bỏ việc ác không dám tái phạm (Bồ Tát Quán Thế Âm Phật Tôn Ngô Không). Để thực hiện Ly Ác Nhiếp hành giả phải có đủ sự hiểu biết và sức mạnh để nhiếp phục, làm cho họ không thể chống lại được. Nhờ lìa bỏ việc ác, những người ấy đạt được đời sống an ổn và hạnh phúc hơn, do đó mà kính trọng tin tưởng đối với người đã giúp đỡ họ.

Tập Thiện Nhiếp và Ly Ác nhiếp đều nhắm đến cùng một mục đích “Khuyến thiện, trừ ác” nhưng vận dụng cách nào là tùy thuộc vào đối tượng, có nhiều trường hợp phải vận dụng cả hai cách.

★ Trên phương diện người chủ động (hành giả): gồm 2 loại:

- Lợi Hành trong công việc: Thực hành hạnh “Tài thí” để trợ giúp đời sống vật chất cho mọi người; thực hành “Pháp thí” để giáo hóa mọi người; thực hành “Vô Uy thí” để xóa tan những tư tưởng khiếp nhược của chúng sanh.
- Lợi Hành trong sự tấn tu: Giữ giới thanh tịnh, siêng tu thiền quán, diệt trừ tham dục và đào thải si mê v.v..

Lợi Hành trong công việc là đem lại lợi ích cho chúng sanh trên mặt thô cạn, Lợi Hành trong sự tấn tu mới tích cực lợi ích chúng sanh một cách sâu rộng, nhiếp hóa chúng sanh một cách tự tại.

4. ĐỒNG SỰ NHIẾP (Samanarthata-Samgraha)

a. Định nghĩa: Đồng sự nhiếp là tùy theo căn cơ, hoài bão, địa vị, nghề nghiệp của người mà lặn lội vào công việc của họ, cộng tác với họ, cùng chia buồn xẻ ngọt với người, để một mặt giúp đỡ họ trong nghề nghiệp, một mặt nêu cao gương lành, làm cho họ cảm mến mà theo ta đến gần đạo cả. Ví dụ: Trong kinh Pháp Hoa, trưởng giả mặc áo trỉn dơ, tay cầm đồ hốt phân để gần gũi giúp đỡ người con trai (kẻ cùng tử) đã lưu lạc hơn 50 năm.

b. Tính chất của Đồng sự nhiếp:

- với tinh thần “Phụng sự chúng sanh cúng dường chư Phật”
- Không tiếc thân mạng.
- Không tiếc của cải.
- Tích cực Ban vui cứu khổ cả vật chất lẫn tinh thần.
- Từ bỏ địa vị quan trọng, tâm không hối tiếc.
- Đạo đức trọn vẹn, là gương sáng cho mọi người noi theo.
- Hướng về Quả vị Vô Thượng và khuyến khích chúng sanh cùng hướng về.

- Đồng sự nhiếp phải đầy đủ Thiên định Ba La Mật

c. Phân Loại:

★ Phương diện công việc: gồm 2 loại

- Đồng sự trong công việc vật chất: chia xẻ những gì mình có thể chia xẻ được qua tài vật của mình.

- Đồng sự trong công việc tinh thần: chia xẻ kiến thức, kinh nghiệm trong nghề nghiệp, trong đời sống và trong tu tập mà mình đã thành tựu được.

★ Phương diện hoàn cảnh và tâm lý: gồm 2 loại

- Đồng khổ sự nhiếp: Cùng người trải nghiệm gian nan họa nạn, khó khăn khổ nhọc, nhờ đó mà lấy sự chân thành chia sẻ, an ủi động viên, giúp sức cho họ vượt qua khó khăn, nhờ đó mà tạo được sự cảm mến, tin phục.

- Đồng lạc sự nhiếp: Cùng người trải nghiệm hoàn cảnh thuận lợi, vui vẻ, luôn thân cận gần gũi để nhắc nhở khuyên răn, giúp người không rơi vào chỗ đam mê truy lạc. Nhờ sự khuyên răn nhắc nhở ấy mà giúp họ giữ được đời sống an vui hạnh phúc, do đó họ cảm mến, kính phục.

Tóm lại: Đồng sự, là một phương pháp có hiệu quả nhất để nhiếp hóa người chung quanh quay về con đường đạo. Bồ thí nhiếp, ái ngữ nhiếp hay lợi hành nhiếp, mặc dù đều cảm hóa được người, nhưng không ảnh hưởng sâu sắc như đồng sự nhiếp. Chẳng hạn như người được ta bồ thí hay lợi hành thì không phải lúc nào cũng thường xuyên gặp ta; còn ái ngữ thì chỉ hạn cuộc trong lời nói, không thể giúp người thoát khỏi cảnh khổ đau thiếu thốn. Đồng sự giúp ta thấu rõ những hoài bão, tâm trạng, nhu cầu thiết thực của mọi người; nhờ vậy ta có thể giúp đỡ họ một cách có hiệu quả hơn. Thông thường, trong bất cứ hãng xưởng, công ty nào, nếu có một Phật tử chân chính, thuần thành, gương mẫu, thì ở đó số người theo Phật càng ngày càng đông, càng mạnh.

I. LỢI ÍCH CỦA TỨ NHIẾP PHÁP

Ngoài công năng nhiếp hóa chúng sanh, Tứ Nhiếp pháp mang đầy đủ nét tự lợi và lợi tha.

1. Bồ thí nhiếp:

- Tự Lợi: nuôi dưỡng lòng từ bi, thực hành hạnh buông xả, diệt trừ tính tham ái ích kỷ, phước báo sung túc, được mọi người kính mến, tâm an vui.

- Lợi tha: giúp người qua cơn họa nạn, túng thiếu, ngặt nghèo, sợ hãi; khơi dậy lòng từ bi nơi mọi người.

2. Ái ngữ nhiếp:

- Tự lợi: thanh tịnh khẩu nghiệp; huân tập thiện nghiệp; được mọi người tin tưởng tôn kính; lời nói có giá trị đối với mọi người, tự tại an vui.

- Lợi tha: Giúp người hiểu rõ đạo lý và làm lành lánh dữ, phát khởi tín tâm đối với Tam Bảo.

3. Lợi Hành nhiếp:

- Tự lợi: Tam nghiệp thanh tịnh; đạo đức trọn vẹn.
- Lợi tha: Giúp người tân tu đạo nghiệp, bỏ tà quy chánh, góp phần an ninh xã hội.

4. Đồng sự nhiếp:

- Tự lợi: Hiểu thấu đáo đời sống thực tế của chúng sanh; dễ hòa nhập và thông cảm người xung quanh; tự tại đối với mọi hoàn cảnh môi trường sống.
- Lợi tha: Là tấm gương sáng cho mọi người noi theo; mọi người sanh tâm hoan hỷ khi thấy hình nghe tên mình; giúp mọi người cải thiện tất cả hành vi và ý niệm bất chính; Đạo Phật được truyền bá rộng rãi; góp phần xây dựng xã hội ngày càng tốt đẹp.

KẾT LUẬN

- Tứ nhiếp pháp là pháp môn phương tiện mang tính nhiếp hóa, cảm phục được lòng người một cách hữu hiệu. Đây là những hạnh tu của những người có tâm Bồ tát, muốn hiến dâng cuộc đời mình với lý tưởng “Thượng cầu Phật Đạo, hạ hóa chúng sanh”
- Thực tập Tứ Nhiếp Pháp là một tiến trình tu tập từ thấp đến cao, từ sơ phát tâm Bồ đề đến đạt đạo quả Bồ đề như Đại Tập kinh quyền thượng dạy: Bồ thí là mới phát khởi Bồ đề, an trụ căn bản chủng tử Bồ Đề. Ái ngữ là tu tập thực hành Bồ Đề, nuôi lớn mầm, thân, cành, lá Bồ đề. Lợi Hành là không thối thất Bồ đề, là từ từ triển khai ra hoa Bồ đề. Đồng lợi là Nhất Sanh Bồ Xứ, tự có khả năng thành tựu đạo quả Bồ đề.
- Thật ra, khi cảm nhận được hạnh phúc từ sự nghe và hiểu Phật pháp, chúng ta đều muốn mọi người cũng đều có lợi ích như mình. Nhưng nếu chính bản thân mình chưa tu tập, chưa chuyển hóa mà vội đem Phật pháp ra nhiếp phục người khác, thì việc làm đó không có căn bản, đôi lúc gây tác dụng ngược với ý mình. Vì vậy, vấn đề tự lợi phải được đặt lên hàng đầu, đó là gốc rễ của lợi tha, còn lợi tha chỉ là hoa trái của tự lợi. Quan trọng là phải sống được với bản tâm chân thật của chính mình, từ đó có thể biểu hiện ra ngôn ngữ và hành động, ngay cả dáng vẻ cung cách cũng toát lên một sự bình an thanh lương, khiến người khác quý kính và tự giác nghe theo. Vào thời đức Phật, chỉ cần nhìn dáng đi, phong cách hay lối sống của Ngài và các Thánh đệ tử, nhiều người đã phát tâm tu hành thành tựu đạo nghiệp.